TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 138/2024/DS-ST.
Ngày: 30/9/2024.
V/v: "T/c hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn An**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Dũng

2. Ông Nguyễn Thành Thái

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Đỗ Thị Mộng Trinh** – Thư ký TAND huyện Hòn Đất.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa*:** Ông **Bùi Đức Mậu** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 83/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2024 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 87/2024/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Bùi Văn L**, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: ấp số 8, xã Sơn Kiên, huyện huyện H, tỉnh K.

- *Bị đơn:* Ông **Thái Hữu T**, sinh năm 1975 và bà **Võ Thị H,** sinh năm 1976 (đều vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Kiên Bình, xã Sơn Kiên, huyện H, tỉnh K.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phạm Thị Á, sinh năm 1968 (vợ ông L– có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp số 8, xã Sơn Kiên, huyện H, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/02/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Bùi Văn L trình bày như sau:*

Trước đây do quen biết nên ông Bùi Văn L có cho vợ chồng ông Thái Hữu T và bà Võ Thị H vay tiền nhiều lần; cụ thể: vào ngày 07/5/2012 ông Lượng cho vay số tiền là 100.000.000 đồng, lãi suất là 3,5%/tháng, thỏa thuận đóng lãi hàng tháng. Phía ông Lượng đã giao số tiền này cho ông Tài và bà Hồng, đồng thời giữa các bên có viết tờ biên nhận đề ngày 07/5/2012, phía ông Tài và bà Hồng đều ký tên vào tờ biên nhận nợ này. Tuy nhiên kể từ ngày vay đến nay phía vợ chồng ông Tài và bà Hồng không đóng lãi và cũng không thanh toán số tiền gốc này cho ông Lượng.

Đến ngày 02/8/2013 phía ông Tài và bà Hồng tiếp tục đến nhà ông Bùi Văn L trình bày do hoàn cảnh khó khăn nên chưa đóng lãi và trả được số tiền gốc là 100.000.000 đồng đã vay từ ngày 07/5/2012, vợ chồng ông Tài và bà Hồng năn nỉ ông Lượng cho phía vợ chồng ông bà vay tiếp số tiền là 100.000.000 đồng, phía vợ chồng ông Tài bán đất sẽ trả cả gốc và tiền lãi của số tiền 200.000.000 đồng này. Do thấy hoàn cảnh khó khăn, phía ông Tài và bà Hồng liên tục năn nỉ, hứa bán đất xong sẽ trả nợ cho ông Lượng nên ông Lượng có cho phía vợ chồng ông Tài và bà Hồng vay tiếp số tiền là 100.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng. Cam kết nếu không trả được tiền thì bán đất sẽ trả cho ông Lượng, nếu không bán được phần đất ruộng thì sẽ ông Lượng sẽ được quyền ưu tiên mua miếng đất ruộng 3ha tại ấp Kiên Bình, xã Sơn Kiên, giữa các bên có làm tờ biên nhận đề ngày 02/8/2013, phía các bên đều ký tên vào tờ biên nhận nợ này.

Tuy nhiên kể từ lúc thời điểm vay cho đến nay phía vợ chồng ông Tài và bà Hồng vẫn không đóng lãi và không trả tiền gốc trên số tiền đã vay là 200.000.000 đồng cho ông Bùi Văn L theo như các tờ biên nhận đã ký kết giữa các bên, mặc dù ông Lượng đã nhiều lần liên hệ phía vợ chồng ông Tài và bà Hồng để yêu cầu có trách nhiệm thanh toán số nợ này, nhưng phía Tài và bà Hồng cố tình trốn tránh trách nhiệm thanh toán nợ. Do quá bức xúc nên ông Lượng đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Thái Hữu T và bà Võ Thị H phải có trách nhiệm trả cho ông Lượng số tiền gốc đã vay còn nợ với số tiền là 200.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật với số tiền là 400.500.000 đồng (211.500.000 đồng + 189.000.000 đồng). Cụ thể tiền lãi được tính như sau:

- Đối với số tiền vay là 100.000.000 đồng đã vay từ ngày 07/5/2012 tính đến ngày 07/02/2024 là 141 tháng: 100.000.000 đồng x 141 tháng x 1,5%/tháng = 211.500.000 đồng.

- Đối với số tiền vay là 100.000.000 đồng đã vay từ ngày 02/8/2013 tính đến ngày 02/02/2024 là 126 tháng: 100.000.000 đồng x 126 tháng x 1,5%/tháng = 189.000.000 đồng.

Tổng cộng ông Bùi Văn L yêu cầu Tòa án buộc ông Thái Hữu T và bà Võ Thị H phải trả cho ông Bùi Văn L số tiền vay còn nợ gốc là 600.500.000 đồng (trong đó tiền gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi của hai khoản vay là 400.500.000 đồng).

Tại phiên tòa hôm nay ông Bùi Văn L đồng ý rút lại một phần yêu cầu tiền lãi với số tiền là 20.500.000 đồng, chỉ yêu cầu ông Thái Hữu T và bà Võ Thị H phải trả Lượng số tiền lãi là 380.000.000 đồng. Như vậy ông Bùi Văn L chỉ yêu cầu ông Thái Hữu T và bà Võ Thị H phải trả cho ông Lượng số tiền gốc và tiền lãi tổng cộng là 580.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi là 380.000.000 đồng). Ngoài ra ông Lượng không yêu cầu gì thêm.

** Bị đơn ông Thái Hữu T và bà Võ Thị H:*

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho ông Thái Hữu T và bà Võ Thị H. Tuy nhiên ông Tài và bà Hồng không đến Tòa án để làm việc và không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó Tòa án không ghi nhận được lời khai của ông Tài và bà Hồng trong hồ sơ vụ án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Ánh trình bày như sau:*

Tôi là vợ của ông Bùi Văn L, cả hai có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo nội dung đơn khởi kiện chồng tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Thái Hữu T và bà Võ Thị H phải trả cho chồng tôi số tiền vay còn nợ là 600.500.000 đồng (trong đó tiền gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi của hai khoản vay là 400.500.000 đồng) thì tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Số tiền trên là tài sản chung của vợ chồng tôi trong thời kỳ hôn nhân, tôi và ông Lượng tự giải quyết với nhau, tôi không có yêu cầu gì trong vụ án này. Đồng thời cũng không có yêu cầu độc lập trong vụ án này. Hiện tại do bận công việc nhiều nên bà Ánh không có thời gian để đến tòa án giải quyết vụ kiện trên nên xin được vắng mặt trong tất cả các lần hòa giải và xét xử của vụ án nêu trên tại tòa án cấp sơ thẩm và tòa án cấp phúc thẩm (nếu có).

** Ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 357, Điều 463, Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Thái Hữu T và bà Võ Thị H phải trả cho ông Bùi Văn L số tiền gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi là 380.000.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 580.000.000 đồng. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi là 20.500.000 đồng do nguyên đơn tự nguyện rút lại một phần yêu cầu.

- Về án phí: Buộc ông Thái Hữu T và bà Võ Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

- Về chi phí tố tụng:

+ Đối với tiền giám định chữ ký là 3.900.000 đồng theo biên nhận ngày 26/7/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang. Tại phiên tòa ông Lượng đồng ý chịu số tiền giám định này, ông Lượng đã thực hiện xong nên đề nghị HĐXX miễn xét.

+ Chi phí đăng tin trên Báo công lý là 1.500.000 đồng và chi phí thông báo trên Đài tiếng nói Việt Nam là 4.500.000 đồng. Tổng cộng số tiền là 6.000.000 đồng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì phía nguyên đơn phải chịu số tiền chi phí này. Tại phiên tòa ông Lượng đồng ý chịu thanh toán chi phí này (đã thực hiện xong) nên đề nghị HĐXX miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện thì đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn ông Bùi Văn L với bị đơn ông Thái Hữu T và bà Võ Thị H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị Ánh; bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Thái Hữu T và bà Võ Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị Ánh có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào

các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3]. Về nội dung: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự Hội đồng xét xử có cơ sở nhận định như sau:

Vào ngày 07/5/2012 và ngày 02/8/2013 ông Thái Hữu T và bà Võ Thị H có vay của ông Bùi Văn L tổng cộng số tiền gốc là 200.000.000 đồng, cam kết sẽ trả số tiền gốc và tiền lãi cho ông Lượng. Khi vay tiền phía ông Thái Hữu T và bà Võ Thị H có ký tên vào các tờ biên nhận vay tiền này. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy: thứ nhất, kèm theo đơn khởi kiện đề ngày 19/02/2024 thì nguyên đơn có nộp cho Tòa án hai tờ bản chính biên nhận vay tiền này. Thứ hai, ông Bùi Văn L có đơn yêu cầu Tòa án giám định chữ ký và chữ viết của ông Thái Hữu T và bà Võ Thị H trên hai tờ biên nhận vay tiền trên thì tại Kết luận giám định số 829/KL-KTHS ngày 16/8/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang đã kết luận chữ ký và chữ viết trên hai tờ biên nhận vay tiền này là của ông Thái Hữu T và bà Võ Thị H. Thứ ba, Tòa án đã thụ lý, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và thông báo trên báo, đài yêu cầu ông Thái Hữu T và bà Võ Thị H về tham gia giải quyết vụ án nhưng ông Tài và bà Hồng đều vắng mặt.

Xét quan hệ vay nợ giữa ông Bùi Văn L với ông Thái Hữu T và bà Võ Thị H là giao dịch dân sự tự nguyện, các đương sự tham gia giao kết hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự thì hợp đồng vay tài sản giữa ông Lượng với ông Tài và bà Hồng được thể hiện dưới hình thức cam kết trả nợ. Khi thực hiện hợp đồng ông Lượng đã thực hiện nghĩa vụ của mình là giao đủ số tiền cho ông Tài và bà Hồng vay điều này thể hiện bằng việc ông Tài, bà Hồng đã ký nhận tiền trong các tờ biên nhận vay tiền với ông Lượng. Đến thời hạn trả nợ, phía ông Lượng đã nhiều lần liên hệ để đòi lại số tiền đã cho vay nhưng ông Tài và bà Hồng không có thiện chí trả nợ cho ông Bùi Văn L, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Căn cứ theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về hợp đồng vay tài sản như sau: *"Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định".* Do đó yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn L là có cơ sở để được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Xét về lãi suất: Ông Lượng yêu cầu ông Tài và bà Hồng trả tiền lãi từ ngày vay với mức lãi suất theo quy định của pháp luật là 1,5%/tháng là có cơ sở để được chấp

nhận. Căn cứ vào Điều 463 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015: *"...Bên vay phải trả đủ tiền khi đến hạn... và phải trả lãi..."*. Do đó, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như căn cứ vào các quy định của pháp luật như đã nhận định ở trên đã có đủ cơ sở để buộc ông Tài và bà Hồng phải trả tiền lãi cho phía nguyên đơn với số tiền lãi là 380.000.000 đồng là phù hợp.

Tại phiên tòa phía nguyên đơn tự nguyện rút lại một phần yêu cầu tiền lãi với số tiền là 20.500.000 đồng. Xét thấy việc rút lại một phần yêu cầu tiền lãi của nguyên đơn là tự nguyện do đó HĐXX đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ những phân tích, nhận định và viện dẫn nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn L, buộc bị đơn ông Thái Hữu T và bà Võ Thị H phải trả cho ông Bùi Văn L số tiền vay còn nợ tổng cộng tiền gốc và lãi là 580.000.000 đồng (Trong đó, tiền gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi là 380.000.000 đồng).

Trong thảo luận và nghị án, HĐXX thống nhất chấp nhận ý kiến đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì phía bị đơn ông Thái Hữu T và bà Võ Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật. Phía nguyên đơn không phải chịu án phí.

[5]. Về chi phí tố tụng:

5.1. Đối với số tiền giám định chữ ký là 3.900.000 đồng theo biên nhận ngày 26/7/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang. Tại phiên tòa ông Lượng đồng ý tự nguyện chịu thanh toán số tiền giám định này (ông Lượng đã thực hiện xong).

5.2. Chi phí đăng tin trên Báo công lý là 1.500.000 đồng và chi phí thông báo trên Đài tiếng nói Việt Nam là 4.500.000 đồng. Tổng cộng số tiền là 6.000.000 đồng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì phía nguyên đơn phải chịu số tiền chi phí này. Tại phiên tòa ông Lượng đồng ý chịu thanh toán chi phí này (đã thực hiện xong).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

*** Tuyên xử**:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn L. Buộc ông Thái Hữu T và bà Võ Thị H phải có nghĩa vụ trả cho ông Bùi Văn L số tiền vay còn nợ tổng cộng gốc và lãi là 580.000.000 đồng. Trong đó, số tiền gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi là 380.000.000 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Thái Hữu T và bà Võ Thị H không trả số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định được quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền lãi 20.500.000 đồng do nguyên đơn tự nguyện rút lại một phần yêu cầu tiền lãi.

3. Về án phí:

3.1. Buộc ông Thái Hữu T và bà Võ Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là: 27.200.000 đồng.

3.2. Ông Bùi Văn L là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên không có thu tiền tạm ứng án phí của ông Bùi Văn L. Do đó, Tòa án không xử lý trả tiền tạm ứng án phí cho ông Lượng.

4. Về chi phí tố tụng:

4.1. Đối với tiền giám định chữ ký là 3.900.000 đồng theo biên nhận ngày 26/7/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang. Tại phiên tòa ông Lượng đồng ý chịu số tiền giám định này, ông Lượng đã thực hiện xong.

4.2. Chi phí đăng tin trên Báo công lý là 1.500.000 đồng theo hóa đơn giá trị gia tăng số 00001562 ngày 31/7/2024 của báo Công Lý và chi phí thông báo trên đài tiếng nói Việt Nam là 4.500.000 đồng theo hóa đơn giá trị gia tăng số 327 ngày 16/8/2024 của Chi nhánh trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền thông tại thành phố Hồ Chí Minh. Tổng cộng số tiền là 6.000.000 đồng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì phía nguyên đơn phải chịu số tiền chi phí này. Tại phiên tòa ông Lượng đồng ý chịu thanh toán số tiền chi phí này (đã thực hiện xong).

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Văn An